TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 15 – 8 – 2022.
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hoàng Tha.

2. Ông Lương Hồng Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T trình bày:

Nguyên vào năm 2007, bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký vào ngày 11/4/2015. Sau khi kết hôn bà và ông T chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Minh M, sinh ngày 03/01/2016, hiện nay cháu Mẫn đang sống chung với bà T. Quá trình chung sống bà và ông T không tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh T; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 03/01/2016 đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Phương T.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 03/01/2016 cho bà Phạm Thị Phương T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Phương T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Minh T không có tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Phạm Thị Phương T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Minh T không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng

mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 11/4/2015. Hôn nhân của bà T và ông T tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Phương T và ông Nguyễn Minh T là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/3/2022 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T với lý do trong quá trình chung sống, đến năm 2019 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi bà T chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung: Bà Phạm Thị Phương T xác định trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 (một) người con chung là Nguyễn Minh M, sinh ngày 03/01/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T xác định từ khi bà và ông T sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mẫn, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Mẫn đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà T và ông T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu M chung sống với bà T, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu M đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 03/01/2016 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Minh T mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Phương T không có yêu cầu ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Phương T xác định bà và ông Nguyễn Minh T không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Phương T xác định bà và ông Nguyễn Minh T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 03/01/2016 cho bà Phạm Thị Phương T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Minh T mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Phương T không có yêu cầu ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Phương T xác định bà và ông Nguyễn Minh T không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Phương T xác định bà và ông Nguyễn Minh T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003384 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Hữu;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo